**PHỤ LỤC SỐ 05:**

**ĐỀ CƯƠNG KHẢO SÁT LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN NSĐP NĂM 2019**

**MỤC LỤC**

[A. SỞ TÀI CHÍNH 2](#_Toc32302773)

[B. SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 19](#_Toc32302774)

[C. CỤC THUẾ 28](#_Toc32302775)

[D. THANH TRA TỈNH 33](#_Toc32302776)

[E. KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH 34](#_Toc32302777)

[F. HUYỆN, THỊ XÃ, GỒM: Huyện Hướng Hóa; Huyện Gio Linh; Huyện Vĩnh Linh; Thị xã Quảng Trị; Huyện Hải Lăng; Huyện Đakrông; Huyện Cam Lộ 35](#_Toc32302778)

[G. CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN/CHỦ ĐẦU TƯ, GỒM: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Trị; Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị; Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Trị; Ban quản lý đầu tư xây dựng khu kinh tế tỉnh Quảng Trị; Sở Văn hóa thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Công thương 50](#_Toc32302779)

# SỞ TÀI CHÍNH

## Thông tin chung

- Về bộ máy hành chính:

+ Số lượng đơn vị hành chính trực thuộc (quận, huyện, thị xã).

+ Số lượng đơn vị trực thuộc: Tổng số các đơn vị dự toán, trong đó nêu rõ số đơn vị dự toán cấp I (nếu có), đơn vị dự toán ngân sách, đơn vị sử dụng ngân sách; số lượng các đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ tài chính, các đơn vị thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

+ Các Ban quản lý dự án Đầu tư XDCB: các Ban trực thuộc UBND Tỉnh/ Thành phố (cụ thể tên từng Ban); các Ban thuộc các Sở Ban ngành (cụ thể tên từng Ban); các ban Thuộc các Quận, Huyện, thị (cụ thể tên từng Ban).

## Thông tin tình hình tài chính

### Chi đầu tư

#### Công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Đến ngày 31/12/2019, tỉnh Quảng Trị đã triển khai tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án hoàn thành, cụ thể:

- Số dự án đã phê duyệt quyết toán là ... dự án; trong đó:

+ Tổng mức vốn đầu tư được duyệt: ... trđ.

+ Tổng giá trị đề nghị quyết toán: ... trđ.

+ Tổng giá trị thẩm tra quyết toán được chấp nhận: ... trđ.

- Số dự án chưa quyết toán nhưng đã nộp hồ sơ:

+ Số dự án trong thời hạn thẩm tra phê duyệt chưa phê duyệt có ... dự án, tổng mức đầu tư ... trđ, giá trị đề nghị quyết toán ... trđ.

+ Số dự án chậm phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng có ... dự án, tổng mức đầu tư ... trđ, giá trị đề nghị quyết toán ... trđ.

- Số dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán:

+ Số dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán có ... dự án, tổng mức đầu tư ... trđ.

+ Số dự án chậm dưới 24 tháng có ... dự án, tổng mức đầu tư ... trđ.

+ Số dự án chậm trên 24 tháng có ... dự án, tổng mức đầu tư ... trđ.

#### Tình hình tạm ứng, thu hồi tạm ứng và ứng trước ngân sách của địa phương

- Tổng số kế hoạch vốn ứng trước NSĐP chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm 2019 là ... trđ; kế hoạch vốn bố trí thu hồi trong năm 2019 là ... trđ; kế hoạch vốn ứng trước trong năm 2019 là ... trđ; kế hoạch vốn ứng trước chưa thu hồi đến hết 2019 là ... trđ. Kế hoạch vốn ứng trước trong năm 2019 được bố trí cho ... dự án.

#### Tình hình quyết toán vốn đầu tư năm 2019

- Tổng số vốn đầu tư:

+ Tổng vốn năm trước chuyển sang: ………….. trđ

+ Số vốn bố trí trong năm: ……………… trđ

+ Số vốn giải ngân trong năm: …………….. trđ

+ Số vốn chuyển sang năm 2019: ………….. trđ

### Về chi thường xuyên

#### Công tác lập và giao dự toán

- Về dự toán Bộ Tài chính giao: Tại Quyết định số .../2018/QĐ-BTC ngày ..., gồm:

+ Tổng thu NSNN trên địa bàn: ... trđ, trong đó: Thu nội địa ... trđ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ... trđ;

+ Tổng chi NSĐP: ... trđ, gồm: Chi cân đối NSĐP ... trđ; chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS TW để thực hiện các chương trình MTQG và mục tiêu nhiệm vụ khác ... trđ;

- Về dự toán tỉnh giao dự toán: Căn cứ vào Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày .../.../201.. của HĐND tỉnh về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019, UBND tỉnh giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ..., gồm:

+ Tổng thu NSNN trên địa bàn: ... trđ, gồm: Thu nội địa ... trđ; thu XNK ... trđ;

+ Tổng thu ngân sách địa phương: ... trđ, gồm: Tổng thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp ... trđ; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên ... trđ; thu huy động đóng góp ... trđ;

+ Tổng chi NSĐP: ... trđ, gồm: Chi đầu tư phát triển ... trđ; Chi thường xuyên ... trđ; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính ... trđ; chi dự phòng ... trđ; chi từ nguồn huy động đóng góp ... trđ.

#### Khái quát ngân sách

- Tổng thu NSNN trên địa bàn: ... trđ;

- Tổng thu ngân sách địa phư­ơng: ... trđ;

- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: ... trđ;

- Chênh lệch thu - chi: ... trđ.

Tại thời điểm khảo sát, Địa phương đang trong quá trình chỉnh lý, khóa sổ và lập báo cáo quyết toán, nên số liệu tình hình thu chi ngân sách nêu trên chưa phải là số liệu chính thức.

#### Tình hình thực hiện dự toán chi thường xuyên

- Tổng chi thường xuyên năm 2019 là ... trđ, tăng/giảm: ...% so với dự toán TW giao, tăng/giảm ...% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng ...% so với thực hiện năm trước;

- Về quản lý sử dụng nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2019:

+ Nguồn năm trước chuyển sang

+ Nguồn thực hiện trong năm

+ Kinh phí đã sử dụng

+ Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau

#### Tình hình thực hiện dự toán tại các đơn vị dự toán cấp 1thuộc ngân sách tỉnh

Năm 2019 các đơn vị dự toán thuộc tỉnh được giao dự toán ... trđ, số thực hiện ... trđ, tăng/giảm ...% so với dự toán được giao (Chi tiết Phụ biểu 03.6/KHKT-NSĐP);

#### Chi chương trình mục tiêu

+ Tổng dự toán chương trình mục tiêu quốc gia

+ Tổng quyết toán chương trình mục tiêu quốc gia

#### Chi chuyển nguồn của ngân sách địa ph­ương

- Đối với chuyển nguồn từ năm 2018 sang năm 2019: Tổng số ... trđ trong đó: Chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh ... trđ, chuyển nguồn NS cấp huyện xã ... trđ;

- Đối với chuyển nguồn từ năm 2019 sang năm 2020: Tổng số ... trđ trong đó: Chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh ... trđ, chuyển nguồn NS cấp huyện xã ... trđ *(có thể lấy số gần đúng)*;

#### Việc sử dụng nguồn dự phòng, tăng thu ngân sách

- Về dự phòng Ngân sách cấp tỉnh: Dự toán HĐND tỉnh giao ... trđ, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh ... trđ; dự phòng ngân sách cấp tỉnh đã sử dụng ... trđ; số chưa sử dụng chuyển năm sau ... trđ.

- Về tăng thu năm 2019 của NS cấp tỉnh: Tổng số tăng thu ... trđ; số đã sử dụng .. trđ; số chưa sử dụng ... trđ.

#### Điều hành hụt thu ngân sách (nếu có)

Trong trường hợp địa phương hụt thu ngân sách thì báo cáo khái quát tình hình quản lý, điều hành tại thời điểm hụt thu ngân sách.

#### Việc quản lý và sử dụng nguồn kết dư ngân sách

Tổng số thu kết dư ngân sách năm 2018 chuyển sang ... trđ. Số đã sử dụng ... trđ; số chưa sử dụng chuyển năm sau ... trđ.

#### Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu

Tổng số thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương là ... trđ; tại thời điểm khảo sát ĐP đang tổng hợp số liệu quyết toán của các đơn vị.

#### Kinh phí bổ sung cho ngân sách cấp dưới

Tổng số bổ sung cho ngân sách cấp dưới trong năm 2019 là ... trđ, trong đó: Bổ sung cân đối là ... trđ, bổ sung có mục tiêu ... trđ.

#### Cho vay ngân sách, nợ chính quyền địa phương

Số dư nợ năm trước chuyển sang ... trđ, số tăng trong năm ... trđ, số giảm trong năm ... trđ, số dư cuối năm ... trđ.

#### Quản lý sử dụng các quỹ tài chính công

- Số dư năm trước chuyển sang: ... trđ;

- Số tạm ứng trong năm: ...;

- Số đã hoàn tạm ứng: ... trđ;

- Số dư tạm ứng đến 30/12/2019 là: ... trđ;

#### Tình hình thu, chi ngân sách huyện

Tình hình quản lý thu, chi ngân sách huyện: Tổng thu NSNN trên địa bàn huyện ... trđ. Tổng thu NS huyện ... trđ, trong đó: Thu bổ sung từ NS cấp tỉnh ... trđ; thu điều tiết ... trđ,.... Tổng chi NS huyện ... trđ, trong đó: Chi đầu tư XDCB ... trđ, chi thường xuyên ... trđ,.... Chênh lệch thu chi ngân sách huyện ... trđ *(Chi tiết Phụ biểu 03.4/KHKT-NSĐP)*.

#### Các quỹ tài chính ngoài ngân sách

##### Quỹ dữ trữ tài chính

Dư đầu năm ... trđ; số tăng trong năm ... trđ; số sử dụng trong năm ...; số dư cuối năm ... trđ.

##### Quỹ bảo trì đường bộ

Dư đầu năm ... trđ; số tăng trong năm ... trđ; số sử dụng trong năm ...; số dư cuối năm ... trđ.

##### Quỹ phát triển đất

Dư đầu năm ... trđ; số tăng trong năm ... trđ; số sử dụng trong năm ...; số dư cuối năm ... trđ.

##### ...

#### Việc cấp phát ngân sách bằng hình thức lệnh chi tiền

Tổng số chi ngân sách bằng lệnh chi tiền qua khảo sát là ... trđ. Việc cấp phát ngân sách đã được Sở Tài chính thực hiện cho các đơn vị như: Khối Đảng; Ban chỉ huy Quân sự; Công an,...

### Tình hình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

#### Công tác thanh tra, kiểm tra năm 2019

Năm 2019, ngành Thanh tra tỉnh ... đã thực hiện thanh tra ... cuộc thanh tra, kiểm tra, trong đó: Thanh tra hành chính ... cuộc; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành ... cuộc.; thanh tra ... cuộc. Qua thanh tra kiểm tra đã phát hiện sai phạm với số tiền ... trđ, trong đó: Thu hồi nộp NSNN và xử phạt vi phạm hành chính ngân sách nhà nước ... trđ. Các kiến nghị của Thanh tra các đơn vị cơ bản thực hiện nghiêm túc, trong đó số tiền đã thu hồi nộp NSNN ... trđ, đạt ...%.

#### Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2020

###### Thanh tra tỉnh

Nêu khái quát quyết định giao kế hoạch thanh tra năm 2020 của UBND tỉnh

###### Thanh tra Sở Tài chính

Nêu khái quát quyết định giao kế hoạch thanh tra năm 2020 của Giám đốc Sở Tài chính.

## Các thông tin theo số liệu báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán

- Báo cáo cân đối quyết toán ngân sách địa phương năm *(Chi tiết Phụ biểu 03.1/KHKT-NSĐP).*

- Báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước, vay ngân sách địa phương năm *(Chi tiết Phụ biểu 03.2/KHKT-NSĐP).*

- Báo cáo quyết toán chi ngân sách địa phương năm *(Chi tiết Phụ biểu 03.3/KHKT-NSĐP).*

- Tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách của các quận, huyện năm *(Chi tiết Phụ biểu 03.4/KHKT-NSĐP).*

- Tình hình thực hiện dự toán của các đơn vị dự toán cấp tỉnh năm *(Chi tiết Phụ biểu 03.6/KHKT-NSĐP).*

- Tình hình thực hiện dự toán thu của các đơn vị sự nghiệp có thu năm *(Chi tiết Phụ biểu 03.7/KHKT-NSĐP).*

- Tình hình tài chính của các doanh nghiệp nhà nước *(Chi tiết Phụ biểu 03.8/KHKT-NSĐP).*

*Lưu ý: Trường hợp đơn vị chưa có Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán được kiểm toán, thì có thể lấy số liệu ước thực hiện, nếu không có số liệu ước thực hiện thì lấy số liệu của năm trước gần nhất.*

## Hồ sơ tài liệu cần cung cấp

- Báo cáo quyết toán ngân sách 2018 của địa phương gồm: Cân đối thu chi ngân sách; Quyết toán thu NSNN; Quyết toán chi NSNN;

- Báo cáo kế hoạch thanh tra năm 2019 của Thanh tra Sở Tài chính; Báo cáo kết quả thanh tra năm 2018 của Thanh tra Sở Tài chính.

- Quyết định giao dự toán thu, chi NS năm 2019 của Bộ Tài chớnh cho địa phương;

- Nghị quyết của HĐND tỉnh về quyết định dự toán thu chi NSĐP năm 2019 (Kể cả các Nghị quyết bổ sung điều chỉnh trong năm nếu có);

- Quyết định giao dự toán thu chi ngân sách năm 2019 của UBND tỉnh cho các đơn vị cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố;

- Báo cáo tổng hợp thu chi ngân sách 2019 đến thời điểm 31/12/2020: Quyết toán thu NSNN, NSĐP (Biểu số 61, TT 342/2016/TT-BTC); Quyết toán chi NSĐP (Biểu số 62, TT 342/2016/TT-BTC);

- Quyết toán vốn đầu tư XDCB niên độ 2019: Biểu số 01, 02, 04/CQTH ban hành kèm theo Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn NSNN theo niên độ ngân sách hàng năm;

- Quyết toán vốn đầu tư XDCB theo dự án: Biểu số 11, 12/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016; thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2019;

- Thuyết minh cơ sở lập và giao dự toán chi thường xuyên NSĐP năm 2019.

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM …**

**Biểu số 03.1/KHKT-NSĐP**

*Đơn vị tính: ......*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần thu** | **Tổng số** | **Thu NS cấp tỉnh** | **Thu NS cấp huyện** | **Thu NS xã** | **Phần chi** | **Tổng số** | **Chi NS cấp tỉnh** | **Chi NS cấp huyện** | **Chi NS xã** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Tổng số thu** |  |  |  |  | **Tổng số chi** |  |  |  |  |
| *Các chỉ tiêu theo Mẫu biểu số 60 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính* |  |  |  |  | *Các chỉ tiêu theo Mẫu biểu số 60 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính* |  |  |  |  |

**Biểu số 03.2/KHKT-NSĐP**

**QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNGNĂM...**

*Đơn vị tính: …..*

*Lưu ý: (i) Khi chế độ báo cáo thay đổi thì các chỉ tiêu thay đổi cho phù hợp; (ii) Trường hợp đơn vị chưa có báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán được kiểm toán, thì có thể lấy số liệu ước thực hiện, nếu không có số liệu ước thực hiện thì lấy số liệu của năm trước gần nhất.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Dự toán năm** | | **Quyết toán năm** | **Phân chia theo từng cấp ngân sách** | | | | **So sánh QT/DT (%)** | | **Cơ cấu** | **Thực hiện năm trước** | **So sánh QT năm/ năm trước** |
| **Cấp trên giao** | **HĐND quyết định** | **Thu NS TW** | **Thu NS cấp tỉnh** | **Thu NS cấp huyện** | **Thu NS xã** | **Cấp trên giao** | **HĐND quyết định** |
| A | B | (1) | (2) | (3)=(4)+..+(7) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8)=(3)/(1) | (9)=(3)/(2) | 10 | 11 | 12=3/11 |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Các chỉ tiêu theo Mẫu biểu số 61 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ….**

**Biểu số 03.3/KHKT-NSĐP**

*Đơn vị tính: …..*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nội dung chi** | **Dự toán năm** | | **Quyết toán năm** | | | | **So sánh QT/DT(%)** | | **Cơ cấu** | **Thực hiện năm trước** | **So sánh QT năm/ năm trước** |
| **Cấp trên giao** | **HĐND quyết định** | **Tổng số Chi NSĐP** | **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** | **Cấp trên giao** | **HĐND quyết định** |
| **A** | **B** | **1** | **2** | **3=4+5+6** | **4** | **5** | **6** | **7=3:1** | **8= 3:2** | **9** | **10** | **11=3: 10** |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Các chỉ tiêu theo Mẫu biểu số 62 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Lưu ý: (i) Khi chế độ báo cáo thay đổi thì các chỉ tiêu thay đổi cho phù hợp; (ii) Trường hợp đơn vị chưa có báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán được kiểm toán, thì có thể lấy số liệu ước thực hiện, nếu không có số liệu ước thực hiện thì lấy số liệu của năm trước gần nhất.*

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH CỦA CÁC HUYỆN (QUẬN) NĂM ....**

**Biểu số 03.4/KHKT-NSĐP**

*Đơn vị tính: .........*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **S TT** | **Tên quận, huyện** | **Tổng thu NSNN trên địa bàn** | **Tổng thu ngân sách huyện** | | | | | **Tổng chi ngân sách huyện** | | | | | **Chênh lệch thu chi** | **Ghi chú** |
| **Tổng số** | **Thu điều tiết** | **Thu bổ sung** | **Thu chuyển nguồn** | **...** | **Tổng số** | **Chi ĐTPT** | **Chi thường xuyên** | **Chi chuyển nguồn** | **...** |
| A | **B** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CỦA CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP TỈNH NĂM...**

**Biểu số 03.6/KHKT-NSĐP**

*Đơn vị tính: ……….*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đơn vị** | **Mã số đơn vị sử dụng NS** | **Dự toán giao đầu năm** | **Thực hiện** | **Đã thanh tra, kiểm tra, kiểm toán** | **Ghi chú (đã khoán chi; chưa khoán chi....)** |
| 1 | Văn phòng UBND tỉnh |  |  |  |  |  |
| 2 | Văn phòng HĐND tỉnh |  |  |  |  |  |
| 3 | Sở ............... (các đơn vị trực thuộc) |  |  |  |  |  |
|  | **....** |  |  |  |  |  |

**Biểu số 03.7/KHKT-NSĐP**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU NĂM...**

*Đơn vị tính:…….*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đơn vị** | **Dự toán thu** | **Thực hiện năm...** | **Số phải nộp NSNN** | **Số được để lại sử dụng** | **…** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**Biểu số 03.8/KHKT-NSĐP**

**TÌNHHÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC NĂM......**

*Đơn vị tính: …..*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đơn vị** | **Mã số thuế** | **Vốn chủ sở hữu** | **Doanh thu** | **Chi phí** | **Lãi, lỗ** | **Nộp NSNN** | **Đã thanh tra, kiểm tra, kiểm toán** | **Ghi chú** |
| **A** | **B** | **C** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| **I** | **Các DN 100% vốn nhà nước** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Các DN cổ phần trên 50% vốn nhà nước** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Lưu ý: (i) Cột 6 nêu rõ đơn vị đã thanh tra, kiểm tra, kiểm toán năm; (ii) Cột 7 do đoàn kiểm toán ghi khi lập KHKT tổng quát.*

|  |
| --- |
| **TÌM HIỂU, ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ**  **Phụ lục số 04/KHKT-NSĐP**  **(Tại cơ quan quản lý tài chính lập Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán NSĐP)** |
| 1. **Thông tin khảo sát** |
| |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | | | | | | | | **STT** | **Các thành phần của Hệ thống KSNB** | **Có** | **Không** | **Không áp dụng** | **Mô tả/ Đánh giá ban đầu** (\*) | **Tham  chiếu** (\*\*) | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | | **1** | **MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT** |  |  |  |  |  | | **1.1** | **Quy định về đạo đức nghề nghiệp trong quản lý, điều hành, sử dụng NSĐP** (căn cứ số đông các cơ quan tài chính tổng hợp để đánh giá) |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có quy định về quy tắc đạo đức nghề nghiệp liên quan đến quản lý, điều hành, sử dụng tài chính, tài sản công và các quy tắc này có được thông tin đến các các cơ quan tài chính tổng hợp (Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Cục Hải quan, Kho bạc nhà nước) của Tỉnh không? |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có đề ra các quy định để giám sát việc tuân thủ các nguyên tắc về tính chính trực và giá trị đạo đức của công chức tại các cơ quan tài chính tổng hợp thuộc Tỉnh không? |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có quy định rõ và áp dụng các biện pháp xử lý đối với các sai phạm về tính chính trực và giá trị đạo đức của công chức tại các cơ quan tài chính tổng hợp thuộc Tỉnh không? |  |  |  |  |  | |  | **...** |  |  |  |  |  | | **1.2** | **Năng lực và trình độ của nhân viên** |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có cụ thể hóa các yêu cầu về trình độ, kỹ năng đối với từng vị trí nhân viên tại các cơ quan tài chính tổng hợp thuộc Tỉnh bằng văn bản không? |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có quy định trình độ, năng lực của nhân viên được tuyển dụng vào các cơ quan tài chính tổng hợp không? |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có biện pháp xử lý kịp thời đối với nhân viên không có năng lực tại các cơ quan tài chính tổng hợp thuộc Tỉnh không? |  |  |  |  |  | |  | **...** |  |  |  |  |  | | **1.3** | **Hoạt động của bộ máy kiểm soát tại UBND tỉnh liên quan đến quản lý, điều hành tài chính, tài sản công (nếu có)** |  |  |  |  |  | | - | Bộ máy kiểm soát có độc lập với lãnh đạo UBND Tỉnh không? |  |  |  |  |  | | - | Bộ máy kiểm soát có bao gồm những người có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm hay không? |  |  |  |  |  | | - | Bộ phận kiểm soát có thường xuyên tham gia các hoạt động quan trọng của Tỉnh hay không? |  |  |  |  |  | | - | Các vấn đề quan trọng của Tỉnh liên quan đến quản lý, điều hành, sử dụng tài chính, tài sản công có được thông tin đầy đủ, kịp thời tới bộ phận kiểm soát và việc xử lý của bộ phận kiểm soát có đáp ứng yêu cầu không? |  |  |  |  |  | | - | Công tác kiểm tra, kiểm soát có được thường xuyên, liên tục hay chỉ thực hiện thanh kiểm tra theo kế hoạch và thẩm định xét duyệt quyết toán năm? |  |  |  |  |  | |  | **...** |  |  |  |  |  | | **1.4** | **Phong cách điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh** |  |  |  |  |  | | - | Có quan tâm và coi trọng việc thiết kế, thực hiện các KSNB (tại UBND tỉnh và từng cơ quan tài chính tổng hợp) hiệu quả không? |  |  |  |  |  | | - | Cơ chế quản lý, điều hành các khoản thu, chi ngân sách nhà nước có đúng quy định, gắn với hiệu quả công tác quản lý, điều hành tài chính, tài sản công của Tỉnh không? |  |  |  |  |  | | - | Có bố trí, sử dụng cán bộ công chức và người lao động (tại UBND tỉnh và từng cơ quan tài chính tổng hợp) đúng tính chất công việc hay không? |  |  |  |  |  | | - | Có chú trọng việc tổ chức hệ thống thông tin (báo cáo, sổ kế toán, hồ sơ, tài liệu, công cụ phần mềm,...) tại các cơ quan tài chính tổng hợp để xử lý thông tin, công việc tài chính, kế toán không? |  |  |  |  |  | |  | **...** |  |  |  |  |  | | **1.5** | **Cơ cấu tổ chức của Tỉnh để quản lý, điều hành, sử dụng tài chính, tài sản công** |  |  |  |  |  | | - | Tỉnh có tổ chức thành nhiều cấp quản lý, điều hành tài chính, tài sản công phù hợp không? |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có chỉ đạo tổ chức các cơ quan tài chính tổng hợp phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành tài chính, tài sản công của Tỉnh không? |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có chỉ đạo các cơ quan tài chính tổng hợp phối hợp để tham mưu cho UBND tỉnh quản lý, điều hành tài chính, tài sản công chặt chẽ không? |  |  |  |  |  | |  | **...** |  |  |  |  |  | | **1.6** | **Phân công quyền hạn và trách nhiệm** |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có các chính sách và yêu cầu các cơ quan tài chính tổng hợp thuộc Tỉnh có chính sách về phân cấp, uỷ quyền phê duyệt các nghiệp vụ ở từng cấp độ phù hợp không? |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh và các cơ quan tài chính tổng hợp (căn cứ trên số đông cơ quan TCTH để đánh giá) có sự giám sát, kiểm tra việc chấp hành những hoạt động đã được phân quyền cho các cấp không? |  |  |  |  |  | | - | Nhân viên (bao gồm những lãnh đạo các cấp của cơ quan tài chính tổng hợp và cả nhân viên của các cơ quan này) có hiểu rõ nhiệm vụ, quyền hạn của mình và của những cá nhân có liên quan đến công việc của mình hay không? |  |  |  |  |  | | - | Những người thực hiện công tác giám sát tại UBND tỉnh (nếu có) và tại các cơ quan tài chính tổng hợp (nếu có) có đủ thời gian để thực hiện công việc giám sát của mình không? |  |  |  |  |  | | - | Sự bất kiêm nhiệm có được thực hiện phù hợp trong UBND tỉnh và các cơ quan tài chính tổng hợp hay không? |  |  |  |  |  | |  | **...** |  |  |  |  |  | | **1.7** | **Các chính sách và quy định về nhân sự tại Tỉnh** |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có xây dựng chính sách và quy định liên quan đến các hoạt động tuyển dụng, bổ nhiệm; điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức liên quan đến các cơ quan tài chính tổng hợp hay không? |  |  |  |  |  | | - | Có xây dựng quy chế khen thưởng, kỷ luật, đánh giá cán bộ công chức và người lao độngliên quan đến các cơ quan tài chính tổng hợp hay không? |  |  |  |  |  | | - | Có xây dựng đề án vị trí việc làm liên quan đến các cơ quan tài chính tổng hợp hay không? |  |  |  |  |  | |  | **...** |  |  |  |  |  | | **2** | **QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO** |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có chỉ đạo xây dựng quy trình quản trị rủi ro liên quan tới quản lý, điều hành tài chính, tài sản công; việc lập và trình bày báo cáo của các cơ quan tài chính tổng hợp hay chưa? |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh đã chỉ đạo, yêu cầu xác định, ước tính mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra và các biện pháp ứng phó đối với mỗi rủi ro liên quan? |  |  |  |  |  | |  | **...** |  |  |  |  |  | | **3** | **hỆ thỐng Thông tin, BÁO CÁO CỦA CÁC CƠ QUAN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP TRÌNH UBND TỈNH ĐỂ BÁO CÁO THEO QUY ĐỊNH** |  |  |  |  |  | | - | Các thủ tục được thực hiện trong hệ thống công nghệ thông tin hoặc thủ công để lập, ghi chép, xử lý, chỉnh sửa, ghi sổ kế toán có được UBND tỉnh quy định đối với các cơ quan tài chính tổng hợp và tại các cơ quan tài chính tổng hợp có quy định chặt chẽ? (căn cứ số đông cơ quan TCTH đã thực hiện hay không thực hiện để đánh giá). |  |  |  |  |  | | - | Cách thức tiếp nhận và xử lý các thông tin, sự kiện, điều kiện có tính chất quan trọng có được UBND tỉnh và các cơ quan tài chính tổng hợp quy định chặt chẽ? (căn cứ số đông cơ quan TCTH đã thực hiện hay không thực hiện để đánh giá). |  |  |  |  |  | | - | Quy trình lập và trình bày báo cáo, bao gồm cả các ước tính kế toán và thuyết minh quan trọng có được UBND tỉnh và các cơ quan tài chính tổng hợp quy định chặt chẽ? (căn cứ số đông cơ quan TCTH đã thực hiện hay không thực hiện để đánh giá). |  |  |  |  |  | | - | Quy trình kiểm soát đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có được các cơ quan tài chính tổng hợp quy định chặt chẽ? (căn cứ số đông cơ quan TCTH đã thực hiện hay không thực hiện để đánh giá). |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có quy định về việc cung cấp thông tin, chế độ báo cáo của các cơ quan tài chính tổng hợp (đối tượng/cấp báo cáo, nội dung, hình thức, thời điểm... cung cấp)? |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có quy định việc tiếp nhận thông tin phản hồi của các cơ quan tài chính tổng hợp (từ các cấp quản lý, bộ phận chức năng...)? |  |  |  |  |  | |  | ... |  |  |  |  |  | | **4** | **CÁC HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT CỦA TỈNH** |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có chỉ đạo các cơ quan tài chính tổng hợp tuân thủ các quy chế quản lý, kiểm soát các hoạt động trong đơn vị mình (lập, phê duyệt, thực hiện kế hoạch; kiểm tra, giám sát; lập báo cáo…)? |  |  |  |  |  | | - | Việc tham mưu cho UBND tỉnh phê duyệt các khoản thu, chi ngân sách nhà nước, thực hiện phân bổ và giao dự toán NS có đúng thẩm quyền và trình tự quy định hay không? |  |  |  |  |  | | - | Hàng năm UBND tỉnh và các cơ quan tài chính tổng hợp có tổ chức đánh giá kết quả hoạt động quản lý, điều hành tài chính công, tài sản công, thực hiện công khai dự toán, quyết toán theo quy định đề ra không? |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh có yêu cầu các cơ quan tài chính tổng hợp có ứng dụng CNTT để quản lý phải có các kiểm soát đối với hệ thống công nghệ thông tin (kiểm soát chung và kiểm soát chương trình ứng dụng) và các kiểm soát có đảm bảo chặt chẽ, duy trì được tính toàn vẹn của thông tin và bảo mật dữ liệu không? |  |  |  |  |  | |  | **...** |  |  |  |  |  | | **5** | **GIÁM SÁT các kiỂm soát** |  |  |  |  |  | | **5.1** | **Giám sát thường xuyên và định kỳ** |  |  |  |  |  | | - | Lãnh đạo UBND có các cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động thường xuyên và định kỳ đối với các cơ quan tài chính tổng hợp không? tại các cơ quan tài chính tổng hợp có các cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động thường xuyên và định kỳ đối với các bộ phận trực thuộc không? (căn cứ số đông cơ quan TCTH đã thực hiện hay không thực hiện để đánh giá). |  |  |  |  |  | | - | Hệ thống giám sát của UBND tỉnh và của các cơ quan tài chính tổng hợp có phù hợp với thực tế hoạt động hay không? (căn cứ số đông cơ quan TCTH đã thực hiện hay không thực hiện để đánh giá). |  |  |  |  |  | | - | Việc giám sát của kiểm toán nội bộ (nếu có) đã thực hiện đầy đủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chưa? |  |  |  |  |  | |  | **...** |  |  |  |  |  | | **5.2** | **Báo cáo giám sát và khắc phục các sai sót** |  |  |  |  |  | | - | Lãnh đạo UBND tỉnh và các cơ quan tài chính tổng hợp có nhận được đầy đủ, kịp thời các báo cáo giám sát liên quan (đánh giá, kết luận và kiến nghị của cơ quan tài chính tổng hợp đối với UBND tỉnh và của các bộ phận trực thuộc đối với các cơ quan tài chính tổng hợp) hay không? (căn cứ số đông cơ quan TCTH đã thực hiện hay không thực hiện để đánh giá). |  |  |  |  |  | | - | UBND tỉnh và các cơ quan tài chính tổng hợp có các biện pháp sửa chữa, khắc phục đối với các sai sót phát hiện qua công tác giám sát không? (căn cứ số đông cơ quan TCTH đã thực hiện hay không thực hiện để đánh giá). |  |  |  |  |  | |  | ... |  |  |  |  |  |   *(\*) Cột 6, mô tả ngắn gọn, ví dụ như: có, hiệu lực cao; có nhưng hiệu lực hạn chế; có nhưng không phát huy tác dụng…*  *(\*\*) Cột 7, chỉ tham chiếu mã hóa hoặc số văn bản/tài liệu*  *Ghi chú: (i) Các câu hỏi trên mang tính định hướng, các đoàn kiểm toán căn cứ vào đặc điểm của từng cuộc kiểm toán để đưa ra các câu hỏi khảo sát đánh giá hệ thống kiểm toán nội bộ theo 5 thành tố theo Đoạn 22 của CMKTNN 1315 cho phù hợp; (ii) Trường hợp đơn vị đã được kiểm toán lần trước có thể thể sử dụng các thông tin thu thập lần trước và khi đó chỉ thu thập các thông tin thay đổi.* | |

# SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

## Thông tin cần cung cấp

### Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 nguồn ngân sách tỉnh quản lý là ... trđ; trong đó: vốn do ngân sách tỉnh phân bổ là ... trđ, vốn do cấp huyện phân bổ là ... trđ; (Số liệu theo Nghị quyết số ... của HĐND tỉnh Quảng Trị);

- Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn 2016-2020 nguồn ngân sách trung ương là ... trđ; trong đó: vốn trong nước ... trđ, vốn nước ngoài ... trđ, vốn TPCP ... trđ. (Số liệu theo Quyết định số ... của Bộ KH&ĐT);

### Kế hoạch đầu tư công năm 2019

\* Kế hoạch vốn Trung ương giao:

- Kế hoạch giao đầu năm: Tổng số ... trđ, gồm: Vốn đầu tư trong cân đối NSĐP ... trđ; vốn chương trình mục tiêu quốc gia ... trđ; vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu ... trđ; vốn nước ngoài ... trđ; (Số liệu theo Quyết định số ... của Bộ KH&ĐT);

- Kế hoạch bổ sung trong năm: Tổng số ... trđ; (Số liệu theo Quyết định số ... của Bộ KH&ĐT);

- Kế hoạch vốn TPCP : Tổng số ... trđ; (Số liệu theo Quyết định số ... của Bộ KH&ĐT);

\* Kế hoạch vốn địa phương giao:

Căn cứ vào Quyết định giao vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2019 là ... trđ (không tính phần vốn do cấp huyện, xã phân bổ); số vốn này được phân bổ cho ... dự án, cụ thể: ... trđ cho ... dự án quy hoạch, ... trđ cho ... dự án chuẩn bị đầu tư, ... trđ cho ... dự án khởi công mới, ... trđ cho ... dự án chuyển tiếp, ... trđ cho ... dự án hoàn thành

Trong đó:

- Nguồn vốn thu cấp quyền sử dụng đất ... trđ, bố trí cho ... dự án hoàn thành ... trđ, ... dự án chuyển tiếp ... trđ;

- Nguồn xổ số kiến thiết ... trđ, bố trí cho ... dự án hoàn thành ... trđ, ... dự án chuyển tiếp ... trđ, ... dự án khởi công mới ... trđ;

- Nguồn vốn ODA ... trđ, bố trí cho ... dự án hoàn thành ... trđ, ... dự án chuyển tiếp ... trđ, ... dự án khởi công mới ... trđ.

### Tình hình thực hiện vốn đầu tư

- Vốn đầu tư công đã được giao kế hoạch năm 2019 là ... trđ (không tính phần vốn do cấp huyện, xã phân bổ). Năm 2019, giải ngân vốn đầu tư XDCB ... trđ (đạt tỉ lệ ...%);

- Số dư tạm ứng tính đến 31/01/2020 là ... trđ (tại ... dự án); trong đó: Số dư tạm ứng thuộc kế hoạch trước chuyển qua là ... trđ, số dư tạm ứng thuộc kế hoạch năm 2019 là ... trđ.

### Công tác lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư

Trong năm 2019, địa phương tổ chức triển khai thực hiện lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư của ... dự án; trong đó: ... dự án nhóm A với tổng vốn đầu tư ... trđ, ... dự án nhóm B với tổng vốn đầu tư ... trđ, ... dự án nhóm C với tổng vốn đầu tư ... trđ.

### Công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự án

Trong năm 2019, đã tiếp nhận tổng hợp thẩm định, phê duyệt ... dự án đầu tư, trong đó:

- ... dự án nhóm C với TMĐT được duyệt là ... trđ,

- ... dự án nhóm B với TMĐT được duyệt là ... trđ,

- ... dự án nhóm A với TMĐT được duyệt là ... trđ;

Trong năm 2019, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh ... dự án đầu tư với TMĐT ban đầu là ... trđ, TMĐT điều chỉnh là ... trđ, trong đó:

- ... dự án điều chỉnh tăng TMĐT ... trđ (Nguyên nhân điều chỉnh chủ yếu do...),

- ... dự án điều chỉnh giảm TMĐT ... trđ (Nguyên nhân điều chỉnh chủ yếu do...),

- ... dự án điều chỉnh cơ cấu TMĐT.

### Tình hình nợ XDCB; công tác tổng hợp, phân loại và tham mưu xử lý nợ đọng XDCB

- Nợ đọng XDCB toàn tỉnh lũy kế đến 31/12/2018 là ... trđ; đến ngày 31/12/2019 là ... trđ, trong đó nợ ngân sách trung ương ... trđ; nợ ngân sách tỉnh ... trđ; nợ ngân sách huyện xã ... trđ;

- Công tác tổng hợp, phân loại và tham mưu xử lý nợ đọng XDCB trong năm 2019 của Sở KH&ĐT:

### Công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư

Thực hiện Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát, đánh giá đầu tư, Thông tư số 22/2015/TT-BKHĐT ngày 18/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về mẫu báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư. Ngày 22/12/2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số .../KHĐT-TĐ đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị lập báo cáo tổng thể giám sát đầu tư năm 2019. UBND tỉnh lập Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2019 gửi Bộ KH&ĐT

### Tình hình thực hiện công tác đấu thầu

\* Trong năm 2019, Sở KH&ĐT đã thẩm định trình phê duyệt ... Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; trong đó:

- Đấu thầu rộng rãi ... gói thầu, giá gói thầu ... trđ;

- Chào hàng cạnh tranh ... gói thầu, giá gói thầu ... trđ;

- Chỉ định thầu ... gói thầu, giá gói thầu ... trđ;

- Mua sắm trực tiếp ... gói thầu, giá gói thầu ... trđ;

- Tự thực hiện ... gói thầu, giá gói thầu ... trđ.

- Đấu thầu qua mạng ... gói thầu, giá gói thầu ... trđ.

\* Trong năm 2019, các Chủ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án và dự toán mua sắm thường xuyên bao gồm cả qua mạng và không qua mạng ... gói thầu với tổng giá gói thầu ... trđ, tổng giá trúng thầu ... trđ, tiết kiệm ... trđ (đạt...%); trong đó:

- Đấu thầu rộng rãi ... gói thầu, giá gói thầu ... trđ, giá trúng thầu ... trđ;

- Chào hàng cạnh tranh ... gói thầu, giá gói thầu ... trđ, giá trúng thầu ... trđ;

- Chỉ định thầu ... gói thầu, giá gói thầu ... trđ, giá trúng thầu ... trđ;

- Mua sắm trực tiếp ... gói thầu, giá gói thầu ... trđ, giá trúng thầu ... trđ;

- Tự thực hiện ... gói thầu, giá gói thầu ... trđ, giá trúng thầu ... trđ.

- Đấu thầu qua mạng ... gói thầu, giá gói thầu ... trđ, giá trúng thầu ... trđ;

### Tình hình tạm ứng, thu hồi tạm ứng và ứng trước ngân sách của địa phương

Số vốn NSTW ứng trước đã giải ngân hết thời gian quy định chưa bố trí hoàn trả còn lại sau KH 2015 là ... trđ, trong đó số vốn tối thiểu phải thu hồi theo quy định trong kế hoạch trung hạn 2016-2020 là ... trđ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Quảng Trị đã bố trí thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 nguồn chương trình mục tiêu là ... trđ và dự kiến thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 nguồn chương trình mục tiêu quốc gia là ... trđ, đạt vượt mức vốn tối thiểu phải thu hồi theo quy định ... trđ. Đã bố trí thu hồi vốn ứng trước NSTW trong năm 2016 là ... trđ, trong năm 2017 là ... trđ, trong năm 2018 là ... trđ, trong năm 2019 là ... trđ. Số dư vốn ứng trước NSTW đến hết năm 2019 là ... trđ.

### Việc phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn vốn dự phòng NSTW trong nước còn lại của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự phòng 10% tại địa phương

- Vốn đầu tư nguồn vốn dự phòng NSTW trong nước còn lại của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được giao kế hoạch năm 2019 là ... trđ; năm 2019, giải ngân ... trđ (đạt tỉ lệ ...%). Nguồn vốn này được phân bổ cho ... dự án;

- Vốn đầu tư nguồn vốn dự phòng NSĐP còn lại của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được giao kế hoạch năm 2019 là ... trđ; năm 2019, giải ngân ... trđ (đạt tỉ lệ ...%). Nguồn vốn này được phân bổ cho ... dự án.

### Tình hình đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP)

Trong năm 2019, tỉnh Quảng Trị phê duyệt ... dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP), cụ thể: Dự án ... với tổng vốn đầu tư ... trđ, nhà đầu tư là ..., giá trị thực hiện là ... trđ.

## Hồ sơ, tài liệu cần cung cấp

- Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2019;

- Văn bản giao kế hoạch vốn đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Bộ KH&ĐT cho địa phương năm 2019;

- Quyết định của UBND tỉnh về phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư (kể cả các quyết định bổ sung vốn, điều chuyển trong nội bộ vốn ngành, lĩnh vực) năm 2019.

- Báo cáo việc phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn vốn dự phòng NSTW trong nước còn lại của Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự phòng 10% tại địa phương

- Các văn bản điều chỉnh kế hoạch vốn của UBND tỉnh cho các dự án năm 2019;

- Các văn bản của Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư của địa phương năm 2019.

- Các quyết định ứng trước, thu hồi kế hoạch vốn cho các dự án đầu tư trong năm 2019

- Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2019 của địa phương (báo cáo 6 tháng và cả năm; đột xuất).

- Báo cáo tổng hợp công tác thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu (báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ KH&ĐT).

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | |  | |  |  | **Phụ lục số 02/SKHĐT** | | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
| **BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÂN BỔ VÀ THƯC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2019** | | | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Kế hoạch vốn đầu năm** | | **Kế hoạch vốn sau điều chỉnh** | | | **Thực hiện** | | | **KHV hủy bỏ** | | **KHV được phép kéo dài** | |
| **Số dự án** | **Giá trị** | **Số dự án** | **Giá trị** | | **Số dự án** | | **Giá trị** | **Số dự án** | **Giá trị** | **Số dự án** | **Giá trị** |
| **I** | **Nguồn vốn đầu tư** |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
| ***1*** | ***Nguồn trong cân đối*** |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
|  | - |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
|  | - |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
|  | - |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Nguồn ngoài cân đối*** |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
|  | - |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
|  | - |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
| **II** | **Phân bổ kế hoạch vốn** |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
| 1 | + Quy hoạch |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
| 2 | + Chuẩn bị đầu tư |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
| 3 | + Thực hiện đầu tư |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
|  | *- Dự án Khởi công mới* |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
|  | *- Dự án Chuyển tiếp* |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
|  | *- Dự án hoàn thành* |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | |  | |  |  |  |  |  |
| Ghi chó : §èi víi néi dung "nguån vèn dÇu tư­ " kh«ng c©n ghi cét " sè dù ¸n " | | | |  |  |  | |  | |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | **Phụ lục số 03/SKHĐT** |
|  |  |  |  |  |  |
| **DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2019** | | | | | |
|  |  |  |  |  | *ĐVT: triÖu ®ång* |
| **Stt** | **Tên dự án** | **TMĐT được duyệt** | **TMĐT điều chỉnh** | **Vốn bố trí năm 2019** | **Ghi chú (lý do điều chỉnh)** |
|  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Nguồn NS ĐP** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Nguồn NSTW, CTMT, TW hỗ trợ có MT** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | **Phụ lục số 04/SKHĐT** |
|  |  |  |  |  |  |
| **DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2019** | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |
| **Số tt** | **Tên dự án** | **Tổng mức  đầu tư** | **Vốn bố trí năm 2019** | **Quyết định đầu tư** | |
| **Số** | **Ngày** |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Nhóm C** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| **II** | **Nhóm B** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| **II** | **Nhóm A** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | **Phụ lục số 05/SKHĐT** |
|  |  |  |  |  |  |
| **DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ NĂM 2019** | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |
| **Số tt** | **Tên dự án** | **Tổng mức  đầu tư** | **Nguồn vốn** | **Quyết định phê duyệt** | |
| **Số** | **Ngày** |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Nhóm C** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| **II** | **Nhóm B** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| **II** | **Nhóm A** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | **Phụ lục số 07/SKHĐT** |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **TÌNH HÌNH ỨNG TRƯỚC VÀ THU HỒI ỨNG TRƯỚC KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2019** | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  | *ĐVT: trđ* |
| **Stt** | **Tên dự án** | **Kế hoạch vốn ứng trước trong năm 2019** | **Kế hoạch vốn được bố trí trong năm 2019** | **Tổng Kế hoạch vốn ứng trước đến 31/12/2019** | **Tổng Kế hoạch vốn đã thu hồi đến 31/12/2019** | **Tổng kế hoạch vốn ứng trước chưa thu hồi đến 31/12/2019** |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Nguồn NS ĐP** |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Nguồn NSTW, CTMT, TW hỗ trợ có MT** |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

# CỤC THUẾ

## Thông tin chung

- Số lượng đơn vị SXKD, dịch vụ và hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn (kể cả các chi nhánh, đơn vị trực thuộc, đơn vị vãng lai): ...... người nộp thuế, bao gồm:

+ Doanh nghiệp có vốn NN: .... DN (DNNN TW .... DN; DNNN địa phương .... DN);

+ DN có vốn đầu tư nước ngoài: .... DN;

+ DN ngoài quốc doanh: ....DN (Công ty TNHH ..... DN; Công ty cổ phần .... DN; Doanh nghiệp tư nhân .... DN, .... hợp tác xã);

+ Tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, khác: .... đơn vị;

+ Hộ sản xuất kinh doanh cá thể: .... hộ;

+ Người nộp thuế thu nhập cá nhân ...... cá nhân.

## Công tác lập, giao dự toán thu

- Hồ sơ lập dự toán vòng 1 của Cục Thuế theo hướng dẫn của Cục Thuế về xây dựng dự toán thu nội địa năm 2019;

- Quyết định phân bổ dự toán thu của Cục Thuế cho các Cục Thuế;

- Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND tỉnh về giao dự toán thu ngân sách năm 2019 và các quyết định điều chỉnh (nếu có);

- Các tài liệu khác có liên quan đến công tác lập dự toán thu nội địa của Cục Thuế.

- Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2019 của ngành Thuế tỉnh.

## Công tác chấp hành dự toán thu nội địa

### Việc tổ chức điều hành thực hiện dự toán thu, tiến độ thu ngân sách

- Các văn bản chỉ đạo của Cục Thuế về thực hiện nhiệm vụ quý và cả năm (nếu có);

- Dự toán thu ngân sách theo từng quý, chi tiết cho từng địa bàn, khu vực, đối tượng thu;

- Các văn bản điều chỉnh dự toán thu (nếu có) của cấp có thẩm quyền;

- Báo cáo thu thuế, phí theo quý, năm; các báo cáo thu ngân sách theo mẫu quy định của Ngành Thuế;

- Các văn bản quy định về phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách của cấp có thẩm quyền; phân cấp quản lý giữa Cục Thuế và các Chi cục Thuế về quản lý các khoản thu và người nộp thuế;

- Kế hoạch kiểm tra tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách;

- Sổ thuế tổng hợp, chi tiết theo quy trình kê khai và kế toán thuế;

- Các tài liệu khác có liên quan.

### Kết quả thực hiện dự toán thu nội địa đối với một số khoản thu chủ yếu, một số khoản tăng thu, hụt thu lớn

- Các văn bản giao dự toán thu nội địa của cấp có thẩm quyền;

- Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu nội địa năm 2019, thuyết minh các khoản tăng, hụt thu;

- Các hồ sơ liên quan đến việc lập dự toán, điều chỉnh dự toán; điều hành, thực hiện dự toán thu (đã nêu trên);

- Văn bản của Bộ Tài chính, UBND cấp tỉnh về chỉ đạo công tác thu NSNN;

- Các tài liệu khác có liên quan.

### Công tác quản lý thu theo quy trình

#### Quản lý đăng ký mã số thuế, quản lý thông tin người nộp thuế và kê khai thuế

##### Quản lý đăng ký mã số thuế, quản lý thông tin người nộp thuế

- Báo cáo tình hình quản lý mã số thuế (MST), gồm cấp mới, tạm ngừng, đóng MST của tất cả NNT trong năm 2019 báo cáo nhận hồ sơ đăng ký thuế;

- Báo cáo lập bộ lệ phí môn bài, bộ thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên;

- Danh sách NNT chậm nộp hồ sơ kê khai thuế trong năm 2019; hồ sơ xử lý vi phạm hành chính hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế.

##### Quản lý kê khai thuế

- Danh mục tờ khai phải nộp của người nộp thuế;

- Các báo cáo theo quy định về Quy trình kê khai và kế toán thuế;

- Hồ sơ người nộp thuế (danh sách người nộp thuế, chi tiết ngành nghề kinh doanh, vốn...);

- Các tài liệu khác có liên quan

#### Công tác miễn, giảmthuế, hoàn thuế

##### Đối với công tác hoàn thuế

- Sổ theo dõi thu nộp thuế theo quy định;

- Báo cáo thống kê thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ; Báo cáo hoàn thuế;

- Các hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế (theo yêu cầu chọn mẫu).

- Các Mẫu số: 07/QTr-HT; Mẫu số: 08/QTr-HT; Mẫu số: 09a/QTr-HT; Mẫu số: 09b/QTr-HT; Mẫu số: 10/QTr-HT (Ban hành kèm theo Quyết định số905/QĐ-TCT ngày 01/7/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

##### Đối với công tác miễn, giảm thuế (miễn, giảm thuế theo Luật )

- Báo cáo tổng hợp kết quả miễn, giảm thuế (theo sắc thuế và theo lĩnh vực) kèm theo bản phân tích đánh giá tình hình miễn, giảm thuế.

- Miễn giảm thuế TNCN, GTGT của các hộ kinh doanh cá thể theo quy định;

- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

- Các Biểu 06/QTr-MGT; 07/QTr-MGT Mẫu số: 06/QTr-MGT (Ban hành kèm theo Quyết định số 749/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

#### Công tác kiểm trathuế; chống thất thu NSNN của cơ quan Thuế

##### Kiểm tra tại cơ quan thuế

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Danh sách NNT phải kiểm tra trong năm theo kế hoạch được thủ trưởng cơ quan Thuế duyệt từ ngày 30/12 năm trước; hồ sơ liên quan đến việc lập danh sách NNT cần kiểm tra như: Bản phân tích rủi ro từng NNT; thông tin đã nhập vào chương trình kiểm tra và Báo cáo tài chính trên máy tính.

- Số liệu báo cáo chi tiết về công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế; số liệu báo cáo tổng hợp công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế.

- Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra tại trụ sở CQT của từng đơn vị và kết quả thực hiện nộp ngân sách từng đơn vị năm 2019.

- Các tài liệu khác có liên quan.

##### Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

- Hồ sơ, tài liệu để lập kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT, gồm:

+ Kết quả kiểm tra tại trụ sở NNT năm 2019; các kết luận kiến nghị của Thanh tra, KTNN các năm trước...

+ Chỉ tiêu kiểm tra do Tổng cục Thuế giao.

+ Danh sách NNT qua kiểm tra hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế và chỉ đạo của cấp trên phải chuyển sang kiểm tra tại trụ sở NNT.

+ Đề xuất của các phòng Kiểm tra, Thanh tra, Kiểm tra nội bộ, Thuế TNCN, Ấn chỉ, các Cục Thuế...

+ Kế hoạch thanh tra năm 2019 của UBND tỉnh, huyện; Bộ Tài chính; Thủ tướng Chính phủ, KTNN...

+ Bảng phân tích, đánh giá rủi ro về thuế theo từng NNT.

- Kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT được phê duyệt và kế hoạch kiểm tra điều chỉnh (nếu có) của năm 2019.

- Báo cáo chi tiết và tổng hợp kết quả kiểm tra tại trụ sở NNT năm 2019.

- Danh sách các quyết định kiểm tra, thu hồi, thay thế.

- Hồ sơ kiểm tra thuế tại trụ sở NNT năm 2019 do cơ quan thuế thực hiện (Khi vào kiểm toán)

- Báo cáo kế hoạch và kết quả kiểm tra nội bộ năm 2019 và Báo cáo tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Hồ sơ kiểm tra thuế tại trụ sở NNT năm 2019 do cơ quan thuế thực hiện.

- Các tài liệu khác có liên quan.

##### Thanh tra người nộp thuế tại trụ sở NNT

- Kế hoạch thanh tra năm 2019 của UBND tỉnh, huyện; Bộ Tài chính; Tổng cục Thuế; Thủ tướng Chính phủ, KTNN...

- Hồ sơ kiểm tra thuế tại trụ sở NNT năm 2019 do cơ quan thuế thực hiện (Khi vào kiểm toán)

- Báo cáo chi tiết và tổng hợp kết quả thanh tra NNT năm 2019.

#### Công tác quản lý nợ thuế, xoá nợ thuế và tiền phạt

- Kế hoạch thu nợ tháng, quí, năm kèm theo các tài liệu liên quan.

- Các biện pháp đã thực hiện trong năm (xây dựng chương trình, chỉ tiêu, biện pháp, phân loại nợ, củng cố hồ sơ, đề nghị xoá nợ, phối hợp đôn đốc, cưỡng chế...).

- Chỉ tiêu nợ thuế năm 2019 do Tổng cục Thuế giao;

- Các loại sổ, báo cáo theo dõi, phân loại nợ, nhật ký thu nợ, cưỡng chế nợ, xoá nợ; theo mẫu quy định của ngành Thuế năm 2019 (từ biểu mẫu 01/QLN, 02/QLN, 03/QLN đến biểu mẫu 15/QLN); thống kê danh sách nợ thuế (tổng hợp và chi tiết);

- Các loại sổ, báo cáo theo dõi, phân loại nợ, nhật ký thu nợ, cưỡng chế nợ, xoá nợ theo mẫu quy định của ngành Thuế.

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch quản lý thu nợ tháng, quý, năm.

- Các văn bản tham mưu, đề xuất của cơ quanThuế, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác thu nợ và cưỡng chế thuế.

- Các tài liệu khác có liên quan.

### Một số khoản thu như: phí, lệ phí, các khoản thu từ đất

#### Thu phí, lệ phí

- Các Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND tỉnh, huyện quy định về một số khoản thu phí, lệ phí tại địa phương.

- Danh sách các tổ chức nộp phí và các loại phí trên địa bàn tại thời điểm 31/12/2018 và ngày 31/12/2019.

- Báo cáo cáo tình hình xử lý vi phạm pháp luật đối với đơn vị thu phí, lệ phí của bộ phận kiểm tra (nếu có).

- Các văn bản của Cơ quan Thuế hướng dẫn, phổ biến chính sách thu phí, lệ phí.

- Các tài liệu khác có liên quan.

#### Các khoản thu liên quan đến đất

- Các văn bản của cấp có thẩm quyền tại địa phươngban hành quy định, hướng dẫn về quy trình thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đơn giá thu tiền sử dụng đất, thuê đấtđối với các dự án chọn mẫu.

- Bảng giá đất có hiệu lực năm 2019; danh sách các quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2019.

- Danh sách và hồ sơ các tổ chức, cá nhân, dự án được giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2019.

- Các thông báo thu tiền sử dụng đất, miễn, giảm, phạt chậm nộp tiền sử dụng đất; hồ sơ miễn, giảm, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2019.

- Sổ giao nhận hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ Phòng Tài nguyên; sổ trả lại hồ sơ.

- Báo cáo nợ đọng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Tổng hợp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất năm 2019 trên địa bàn toàn tỉnh: tổng hợp quyết toán thuế đất phi nông nghiệp đến từng chi cục thuế; tổng hợp quyết toán tiền thuê đất theo từng chi cục thuế và danh sách lập bộ tiền thuê đất năm 2019;

- Báo cáo việc rà soát các dự án hết thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế; hợp đồng thuê đất đã hết thời gian ổn định đơn giá thuê đất,...

- Các tài liệu khác có liên quan.

### Công tác kế toán, thống kê, quyết toán thuế

#### Công tác kế toán, thống kê thuế

Hệ thống mẫu biểu, sổ kế toán, báo cáo theo quy định của ngành Thuế do Cục Thuế lập về:

- Số thu ngân sách trong năm 2019 theo từng sắc thuế và lĩnh vực thu.

- Nợ đọng thuế, xóa nợ thuế;

- Miễn, giảm, hoàn, gia hạn thuế.

- Các tài liệu khác có liên quan.

#### Công tác tổng hợp quyết toán các khoản thu ngân sách

- Báo cáo quyết toán thu do cơ quan tài chính lập có đối chiếu với KBNN.

- Báo cáo BC 3A, BC 3B do cơ quan thuế lập, báo cáo BC 10 do cơ quan thuế lập có đối chiếu với KBNN.

- Sổ hạch toán, báo cáo thu của KBNN.

- Các tài liệu khác có liên quan.

### Các biểu mẫu

- Biểu BC3 tháng 12 năm 2019 và biểu BC3 tháng 12 năm 2018;

- Biểu BC4 tháng 12 năm 2019 tổng hợp và chi tiết;

- BC5a tháng 12 năm 2019 tổng hợp và chi tiết; BC5c chi tiết

- BC10 tháng 12 năm 2019 và BC10 tháng 12 năm 2019 có xác nhận của Kho bạc Nhà nước.

- Báo cáo việc ban hành các văn bản quy định về công tác quản lý, hướng dẫn về quản lý thu thuế;

# THANH TRA TỈNH

## Các hồ sơ, tài liệu cần cung cấp

- Báo cáo Kết quả thanh tra năm 2019 của địa phương;

- Các báo cáo thanh tra của Thanh tra Chính phủ; thanh tra Bộ, Ngành năm 2019 (nếu có);

- Quyết định phê duyệt Kế hoạch thanh tra năm 2020;

- Kế hoạch thanh tra của Thanh tra Chính phủ; thanh tra Bộ, Ngành năm 2020 (nếu có)

# KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH

## Các hồ sơ, tài liệu cần cung cấp

1. Các báo cáo theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính, gồm:

- Báo cáo thu và vay của NSNN niên độ 2019 (B2-01/BC-NS/TABMIS)

- Báo cáo chi và trả nợ vay NSĐP, niên độ 2019 (B3-02/BC-NS/TABMIS)

- Báo cáo thực hiện chi, trả nợ ngân sách (cấp tỉnh/ cấp huyện/ cấp xã) niên độ 2019 (B3-05/BC-NS/TABMIS);

- Chi các chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia, niên độ 2019 (B4-01/BC-NS/TABMIS)

- Chi các chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia theo mục lục NSNN niên độ 2019 (B4-02/BC-NS/TABMIS)

- Tình hình sử dụng dự toán chi thường xuyên NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) theo hình thức rút dự toán, niên độ 2019 (B5-03/BC-NS/TABMIS)

- Tình hình sử dụng dự toán chi thường xuyên NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) theo hình thức lệnh chi tiền, niên độ… B5-04/BC-NS/TABMIS

- Tình hình sử dụng dự toán chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới của NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện) niên độ 2019 (B5-05/BC-NS/TABMIS)

- Vay, trả nợ Ngân sách địa phương niên độ 2019 (B6-02/BC-NS/TABMIS)

2. Biểu số 01/ĐP-KH, 02/ĐP-TT, 01,02,03,04,05,06,07/KTB của Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính niên độ 2019 (đến thời điểm 31/01/2020)

3. Biểu số 01,02,03,04,05/KBQT của Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính niên độ 2019 (đến thời điểm 31/01/2020)

# HUYỆN, THỊ XÃ, GỒM: Huyện Hướng Hóa; Huyện Gio Linh; Huyện Vĩnh Linh; Thị xã Quảng Trị; Huyện Hải Lăng; Huyện Đakrông; Huyện Cam Lộ

## Một số thông tin cơ bản về đơn vị

- Huyện ... gồm .. đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm .. xã và .. thị trấn, ...;

- Số lượng đơn vị SXKD, dịch vụ và hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn, bao gồm:DN ngoài quốc doanh: ... đơn vị (Công ty TNHH ... đơn vị; Công ty cổ phần ... đơn vị; Doanh nghiệp tư nhân ... đơn vị, hợp tác xã ... đơn vị); Hộ sản xuất kinh doanh cá thể: ... hộ.

- Số đơn vị dự toán trực thuộc ngân sách huyện ... đơn vị; trong đó ... đơn vị đã thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí theo NĐ 130/2005/NP-CP;

- Số đơn vị sự nghiệp huyện quản lý ... đơn vị; .../... đơn vị đã thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Khái quát về tình hình thu, chi ngân sách:

+ Tổng thu NSNN trên địa bàn ... trđ;

+ Tổng thu ngân sách ngân sách ... trđ;

+ Tổng chi ngân sách địa phương ... trđ;

+ Chênh lệch thu chi ... trđ.

- Chi chương trình mục tiêu:

+ Nguồn chưa sử dụng năm trước chuyển sang

+ Nguồn thực hiện trong năm

+ Kinh phí đã sử dụng

+ Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau:

- Chi chuyển nguồn:

+ Chi chuyển nguồn năm trước:

+ Chi chuyển nguồn năm nay:

- Nguồn cải cách tiền lương:

+ Nguồn chưa sử dụng năm trước chuyển sang

+ Nguồn thực hiện trong năm

+ Kinh phí đã sử dụng

+ Kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau:

## Tình hình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán tại đơn vị

### Thanh tra tỉnh (nếu có)

Nêu khai quát về nội dung thanh tra, các đơn vị được thanh tra và tổng số kiến nghị xử lý tài chính

### Thanh tra huyện

Tình hình thanh tra, kiểm tra: Trong năm 2019, Thanh tra huyện đã xây dựng kế hoạch thanh tra được UBND huyện phê duyệt theo Quyết định số ..., gồm: Thanh tra .. xã với nội dung ...; ... đơn vị dự toán với nội dung ...; ... (nếu khái quát).

## Các phụ biểu từ 3.1 đến 3.6

- Lập các Phụ biểu từ 3.1 đến 3.6

- Lưu ý: Đối với Phụ biểu số 3.5: Chỉ lập số liệu đối với các dự án tại Phụ biểu số 3.5a

## Hồ sơ, tài liệu cần cung cấp

- Quyết toán NSĐP năm 2018, gồm: Cân đối thu chi ngân sách; Quyết toán thu NSNN; Quyết toán chi NSNN;

- Quyết định của UBND tỉnh về giao dự toán thu chi NS năm 2019 cho huyện;

- Nghị quyết của HĐND huyện về quyết định dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2019; Nghị quyết của HĐND huyện về điều chỉnh dự toán năm 2019 của huyện (nếu có);

- Quyết định giao dự toán thu - chi NSNN năm 2019 của UBND huyện cho các đơn vị dự toán cấp huyện, các xã, thị trấn thuộc huyện.

- Báo cáo tổng hợp quyết toán thu chi 2019 đến thời điểm 31/01/2020, gồm: Quyết toán Thu NSNN; quyết toán chi NSĐP.

- Báo cáo kết quả thanh tra huyện năm 2019; kế hoạch thanh tra huyện được phê duyệt năm 2020;

- Thuyết minh cơ sở lập và giao dự toán chi thường xuyên NSĐP năm 2019.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Phụ biểu số 03.1/KHKT-NSĐP** |
| **CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019** | | | |
|  |  |  | *Đơn vị tính: trđ* |
| **Phần thu** | **Tổng số** | **Phần chi** | **Tổng số** |
| **Tổng số thu** |  | **Tổng số chi** |  |
| *Các chỉ tiêu theo Mẫu biểu số 60 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính* |  | *Các chỉ tiêu theo Mẫu biểu số 60 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính* |  |
| *Lưu ý: (i) Khi chế độ báo cáo tài chính thay đổi thì các chi tiêu được thay đổi theo chế độ báo cáo tài chính hiện hành; (ii) Trường hợp tại thời điểm khảo sát chưa có báo cáo quyết toán thì lấy theo số liệu ước thực hiện, nếu không có số liệu ước thực hiện thì lấy số liệu của năm trước gần nhất.* | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | **Phụ biểu số 03.2/KHKT-NSĐP** |
| **QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019** | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | *Đơn vị tính: trđ* |
| **STT** | **Nội dung** | **Dự toán năm** | | **Quyết toán năm** | **So sánh QT/DT (%)** | |  | **Thực hiện năm trước** | **So sánh QT năm/ năm trước** |
| **Cấp trên giao** | **HĐND quyết định** | **Cấp trên giao** | **HĐND quyết định** | **Cơ cấu** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Các chỉ tiêu theo Mẫu biểu số 61 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính* |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Lưu ý: (i) Khi chế độ báo cáo tài chính thay đổi thì các chi tiêu được thay đổi theo chế độ báo cáo tài chính hiện hành; (ii) Trường hợp tại thời điểm khảo sát chưa có báo cáo quyết toán thì lấy theo số liệu ước thực hiện, nếu không có số liệu ước thực hiện thì lấy số liệu của năm trước gần nhất.* | | | | | | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  | **Phụ biểu số 03.3/KHKT-NSĐP** |
| **QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2019** | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  | *Đơn vị tính: trđ* |
|  | **Nội dung chi** | **Dự toán năm** | | **So sánh QT/DT(%)** | |  | **Thực hiện năm trước** | **So sánh QT năm/ năm trước** |
| **Cấp trên giao** | **HĐND quyết định** | **Cấp trên giao** | **HĐND quyết định** | **Cơ cấu** |
| **A** | **B** | **1** | **2** | **7=3/1** | **8= 3/2** | **9** | **10** | **11=3/10** |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | *Các chỉ tiêu theo Mẫu biểu số 62 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính* |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Lưu ý: (i) Khi chế độ báo cáo tài chính thay đổi thì các chi tiêu được thay đổi theo chế độ báo cáo tài chính hiện hành; (ii) Trường hợp tại thời điểm khảo sát chưa có báo cáo quyết toán thì lấy theo số liệu ước thực hiện, nếu không có số liệu ước thực hiện thì lấy số liệu của năm trước gần nhất.* | | | | | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **Phụ biểu số 03.5/KHKT-NSĐP** | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | |
| **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN TẠI CÁC HUYỆN ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  (Ghi chú: Chỉ lập cho các dự án được kiểm toán theo **Phụ lục số 03.5a/KHKT-NSĐP** kèm theo; Lập chi tiết tất cả các chi phí của dự án) | | | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *Đơn vị tính: 1000 đồng* | | |
| **TT** | **Chỉ tiêu (dự án)** | **Chủ đầu tư** | **Hình thức quản lý DA** | **Tổng mức đầu tư** | **Tổng dự toán** | **Nguồn vốn** | **Kế hoạch vốn năm 2019** | **Thời gian KC-HT** | **Giá trị hợp đồng** | **Khối lượng hoàn thành từ khởi công đến 31/01/2020** | **Quyết toán (hoặc thanh toán) đến 31/01/2020** | **Tên nhà thầu** | **Tình hình thanh tra, kiểm toán** |
|
|
| 1 | 2 |  |  | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **1** | **Dự án…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Gói thầu… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Gói thầu… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chi phí… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chi phí… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Dự án…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Gói thầu… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Gói thầu… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chi phí… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chi phí… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ biểu số 03.5a/KHKT-NSĐP**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **HUYỆN/DỰ ÁN** |
| **1** | **Huyện Hướng Hóa** |
|  | ***Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Hướng Hóa*** |
| *(1)* | *Trường Mầm non Lao Bảo - Hạng mục: Nhà học 2 tầng* |
| *(2)* | *Trường Mầm non Tân Long, huyện Hướng Hóa* |
| *(3)* | *Trường Tiểu học Hướng Lộc* |
| *(4)* | *Trường Tiểu học số 1 Lao Bảo - Hạng mục: Nhà học 2 tầng* |
| *(5)* | *Trường PTDT bán trú TH & THCS Hướng Lập, huyện Hướng Hóa; Hạng mục: Nhà bán trú 2 tầng* |
| *(6)* | *Trường phổ thông dân tộc Ban trú THCS Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa; Hạng mục: Nhà Ban trú 2 tầng* |
| **2** | **Huyện Gio Linh** |
|  | ***Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Gio Linh*** |
| *(1)* | *Trụ sở UBMT TQVN và các đoàn thể huyện Gio Linh* |
| *(2)* | *Trường mầm non Hoa Mai, huyện Gio Linh. Hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học* |
| *(3)* | *Đường giao thông từ thị trấn Gio Linh đến các xã phía Nam huyện Gio Linh* |
| **3** | **Huyện Vĩnh Linh** |
|  | ***Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Linh*** |
| *(1)* | *Trụ sở làm việc UBMTTQVN huyện và các Hội, Đoàn thể huyện Vĩnh Linh* |
| *(2)* | *Đường nối trung tâm xã Vĩnh Long với các xã miền Tây và miền Đông huyện Vĩnh Linh đến Quốc Lộ 1* |
| *(3)* | *Trường Mầm non xã Vĩnh Tú; Hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học* |
| *(4)* | *Trường mầm non xã Vĩnh Chấp, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học* |
| *(5)* | *Trường Tiểu học Cửa Tùng; Hạng mục: Nhà 2 tầng -10 phòng học* |
| *(6)* | *Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi; Hạng mục: Nhà 02 tầng- 10 phòng học* |
| *(7)* | *Trụ sở UBND thị trấn Bến Quan* |
| *(8)* | *Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Vĩnh Trung* |
| ***4*** | **Thị xã Quảng Trị** |
|  | ***Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất thị xã Quảng Trị*** |
| *(1)* | *Nâng cấp hệ thống đường giao thông đô thị, thị xã Quảng Trị* |
| *(2)* | *Trường THCS Lý Tự Trọng, thị xã Quảng Trị - Hạng mục: Nhà hiệu bộ + thực hành bộ môn* |
| *(3)* | *Cơ sở hạ tầng khu đô thị mới Võ Thị Sáu thị xã Quảng Trị (Giai đoạn2)* |
| ***5*** | **Huyện Hải Lăng** |
|  | ***Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Hải Lăng*** |
| *(1)* | *Trường THCS Hải Xuân, huyện Hải Lăng, hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng học bộ môn* |
| *(2)* | *Hệ thống điện chiếu sáng đường 3 tháng 2 và đường Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng* |
| *(3)* | *Đường Ngô Quyền, Cầu Quy Thiện và đoạn còn lại tuyến đường tuyến đường Xuân - Quy - Vĩnh* |
| *(4)* | *Khu tái định cư xã Hải Khê và đường vào khu tái định cư (giai đoạn 1) - Hợp phần 1* |
| ***6*** | **Huyện Đakrông** |
|  | ***Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện ĐaKrông*** |
| *(1)* | *Đường liên xã Đakrông-Mò Ó-Triệu Nguyên-Ba Lòng, huyện Đakrông (giai đoạn 1)* |
| *(2)* | *Trường PTDT Bán trú Tà Long, huyện ĐaKrông, Hạng mục: Nhà 2 tầng 10 phòng học* |
| *(3)* | *Đường liên thôn Xa Lăng - Chân Rò - Khe Ngài, xã Đakrông* |
| *(4)* | *Nâng cấp đường từ thôn Chai, xã Tà Long đi thôn Tà Mên, thôn Trầm xã Ba Nang* |
| *(5)* | *Đường liên thôn A Vao - Tân Đi 2, xã A Vao, huyện Đakrông* |
| *(6)* | *Trường PTDTBT THCS Tà Long - HM: Nhà 6 phòng học bộ môn* |
| *(7)* | *Đường nội thôn A Rồng Dưới, xã A Ngo, huyện Đakrông* |
| *(8)* | *Đầu tư xây dựng khu tái định cư di dân khẩn cấp, ổn định dân cư, định cư ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét và sạt lở xã Tà Rụt, huyện Đakrông (giai đoạn 1); Hạng mục: Nâng cấp tuyến đường trục chính; cầu và đường hai đầu cầu; san nền và đường giao thông nội vùng (giai đoạn 3); hệ thống cấp điện sinh hoạt; hệ thống cấp nước sinh hoạt* |
| *(9)* | *Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực Trung tâm thị trấn KrôngKlang, huyện Đakrông* |
| *(10)* | *San tạo mặt bằng để đấu giá quyền sử dụng đất hai bên tuyến đường T4, thị trấn Kroong Klang* |
| ***7*** | **Huyện Cam Lộ** |
|  | ***Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất huyện Cam Lộ*** |
| *(1)* | *Sửa chửa, nâng cấp Nhà văn hóa trung tâm huyện Cam Lộ* |
| *(2)* | *Đường giao thông liên xã Cam Thành - Cam Nghĩa* |
| *(3)* | *Hệ thống cấp nước sạch liên xã Cam Hiếu, Cam Thủy huyện Cam Lộ (giai đoạn 1)* |
| *(4)* | *Xử lý ô nhiễm môi trường tại làng bún Cẩm Thạch, xã Cam An, huyện Cam Lộ* |
| *(5)* | *Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, Hạng mục: Nhà học 02 tầng* |
| *(6)* | *Trường mầm non Hoa Hồng, Hạng mục: Nhà học 2 tầng* |
| *(7)* | *Trường THCS Lê Thế Hiếu, huyện Cam Lộ, hạng mục Nhà học 2 tầng* |
| *(8)* | *Xử lý khẩn cấp tình trạng xói lở bờ tả sông Hiếu đoạn qua thôn Lâm Lang, xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ* |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | **Phụ lục số 03.6/KHKT-NSĐP** | | |
| **TÌM HIỂU, ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ HUYỆN …..** | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **STT** | **Các thành phần của Hệ thống KSNB** | **Có** | **Không** | **Không áp dụng** | **Mô tả/ Đánh giá ban đầu** (\*) | **Tham chiếu (\*\*)** |
|
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| **1** | **MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT** |  |  |  |  |  |
| **1.1** | **Quy định về đạo đức nghề nghiệp trong đơn vị** |  |  |  |  |  |
| - | Có quy định về quy tắc đạo đức nghề nghiệp và các quy tắc này có được thông tin đến các bộ phận không? |  |  |  |  |  |
| - | Có quy định để giám sát việc tuân thủ các nguyên tắc về tính chính trực và giá trị đạo đức không? |  |  |  |  |  |
| - | Có quy định rõ và áp dụng các biện pháp xử lý đối với các sai phạm về tính chính trực và giá trị đạo đức không? |  |  |  |  |  |
|  | **...** |  |  |  |  |  |
| **1.2** | **Năng lực và trình độ của nhân viên** |  |  |  |  |  |
| - | Có cụ thể hóa các yêu cầu về trình độ, kỹ năng đối với từng vị trí nhân viên bằng văn bản không? |  |  |  |  |  |
| - | Có quy định trình độ, năng lực của nhân viên được tuyển dụng không? |  |  |  |  |  |
| - | Có biện pháp xử lý kịp thời đối với nhân viên không có năng lực không? |  |  |  |  |  |
|  | **...** |  |  |  |  |  |
| **1.3** | **Hoạt động của bộ máy kiểm soát** |  |  |  |  |  |
| - | Bộ máy kiểm soát có độc lập với lãnh đạo đơn vị không? |  |  |  |  |  |
| - | Bộ máy kiểm soát có bao gồm những người có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm và vị thế hay không? |  |  |  |  |  |
| - | Bộ phận kiểm soát có thường xuyên tham gia các hoạt động quan trọng của đơn vị hay không? |  |  |  |  |  |
| - | Các vấn đề quan trọng của đơn vị có được thông tin đầy đủ, kịp thời tới bộ phận kiểm soát và việc xử lý có đáp ứng được yêu cầu không? |  |  |  |  |  |
| - | Công tác kiểm tra, kiểm soát có được thường xuyên, liên tục không? |  |  |  |  |  |
|  | **...** |  |  |  |  |  |
| **1.4** | **Phong cách điều hành của lãnh đạo đơn vị** |  |  |  |  |  |
| - | Có quan tâm và coi trọng việc thiết kế, thực hiện các KSNB hiệu quả không? |  |  |  |  |  |
| - | Cơ chế quản lý, điều hành các khoản thu, chi ngân sách nhà nước có đúng quy định, gắn với hiệu quả của đơn vị không? |  |  |  |  |  |
| - | Có bố trí, sử dụng cán bộ công chức và người lao động đúng tính chất công việc hay không? |  |  |  |  |  |
| - | Có chú trọng việc tổ chức hệ thống thông tin (báo cáo, sổ kế toán, hồ sơ, tài liệu, công cụ phần mềm,..) để xử lý thông tin không? |  |  |  |  |  |
|  | **...** |  |  |  |  |  |
| **1.5** | **Cơ cấu tổ chức** |  |  |  |  |  |
| - | Có tổ chức thành nhiều cấp quản lý phù hợp không? |  |  |  |  |  |
| - | Cơ cấu tổ chức có phù hợp với hoạt động của đơn vị không? |  |  |  |  |  |
| - | Sự phối hợp giữa các bộ phận trong đơn vị có chặt chẽ không? |  |  |  |  |  |
|  | **...** |  |  |  |  |  |
| **1.6** | **Phân công quyền hạn và trách nhiệm** |  |  |  |  |  |
| - | Có các chính sách về phân cấp, uỷ quyền phê duyệt các nghiệp vụ ở từng cấp độ phù hợp không? |  |  |  |  |  |
| - | Có sự giám sát, kiểm tra việc chấp hành những hoạt động đã được phân quyền cho các cấp không? |  |  |  |  |  |
| - | Nhân viên có hiểu rõ nhiệm vụ, quyền hạn của mình và của những cá nhân có liên quan đến công việc của mình hay không? |  |  |  |  |  |
| - | Những người thực hiện công tác giám sát có đủ thời gian để thực hiện công việc giám sát của mình không? |  |  |  |  |  |
| - | Sự bất kiêm nhiệm có được thực hiện phù hợp trong đơn vị không? |  |  |  |  |  |
|  | **...** |  |  |  |  |  |
| **1.7** | **Các chính sách và quy định về nhân sự** |  |  |  |  |  |
| - | Có chính sách, quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm; điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không? |  |  |  |  |  |
| - | Có xây dựng quy chế khen thưởng, kỷ luật, đánh giá cán bộ công chức và người lao động hay không? |  |  |  |  |  |
| - | Có xây dựng đề án vị trí việc làm hay không? |  |  |  |  |  |
|  | **...** |  |  |  |  |  |
| **2** | **QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO** |  |  |  |  |  |
| - | Đơn vị đã xây dựng quy trình quản trị rủi ro liên quan tới các hoạt động của đơn vị và việc lập và trình bày báo cáo chưa? |  |  |  |  |  |
| - | Đơn vị đã xác định, ước tính mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra và các biện pháp ứng phó đối với mỗi rủi ro? |  |  |  |  |  |
|  | **...** |  |  |  |  |  |
| **3** | **Hệ thống Thông tin, BÁO CÁO** |  |  |  |  |  |
| - | Các thủ tục được thực hiện trong hệ thống công nghệ thông tin hoặc thủ công trong lập, ghi chép, xử lý, chỉnh sửa, ghi sổ kế toán có được quy định chặt chẽ? |  |  |  |  |  |
| - | Cách thức tiếp nhận và xử lý các thông tin, sự kiện, điều kiện có tính chất quan trọng có được quy định chặt chẽ? |  |  |  |  |  |
| - | Quy trình lập và trình bày BCNSBN, bao gồm cả các ước tính kế toán và thuyết minh quan trọng có được quy định chặt chẽ? |  |  |  |  |  |
| - | Quy trình kiểm soát đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có được quy định chặt chẽ? |  |  |  |  |  |
| - | Có quy định về việc cung cấp thông tin, chế độ báo cáo của đơn vị (đối tượng/cấp báo cáo, nội dung, hình thức, thời điểm... cung cấp)? |  |  |  |  |  |
| - | Có quy định việc tiếp nhận thông tin phản hồi (từ các cấp quản lý, bộ phận chức năng...)? |  |  |  |  |  |
|  | ... |  |  |  |  |  |
| **4** | **CÁC HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT** |  |  |  |  |  |
| - | Đơn vị có tuân thủ các quy chế quản lý, kiểm soát các hoạt động (lập, phê duyệt, thực hiện kế hoạch; kiểm tra, giám sát; lập báo cáo…)? |  |  |  |  |  |
| - | Việc phê duyệt các khoản thu, chi; phân công nhiệm vụ có đúng thẩm quyền và trình tự quy định hay không? |  |  |  |  |  |
| - | Hàng năm có tổ chức đánh giá kết quả hoạt động, thực hiện công khai dự toán, quyết toán theo quy định đề ra không? |  |  |  |  |  |
| - | Các kiểm soát đối với hệ thống công nghệ thông tin (kiểm soát chung và kiểm soát chương trình ứng dụng) có đảm bảo chặt chẽ, duy trì được tính toàn vẹn và bảo mật dữ liệu không? |  |  |  |  |  |
|  | **...** |  |  |  |  |  |
| **5** | **GIÁM SÁT các kiểm soát** |  |  |  |  |  |
| **5.1** | **Giám sát thường xuyên và định kỳ** |  |  |  |  |  |
| - | Lãnh đạo đơn vị có các cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị thường xuyên và định kỳ không? |  |  |  |  |  |
| - | Hệ thống giám sát của đơn vị có phù hợp với thực tế hoạt động của đơn vị hay không? |  |  |  |  |  |
| - | Việc giám sát của kiểm toán nội bộ đã thực hiện đầy đủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chưa? |  |  |  |  |  |
|  | **...** |  |  |  |  |  |
| **5.2** | **Báo cáo giám sát và khắc phục các sai sót** |  |  |  |  |  |
| - | Lãnh đạo đơn vị có nhận được đầy đủ, kịp thời các báo cáo giám sát liên quan (của cơ quan quản lý) hay không? |  |  |  |  |  |
| - | Đơn vị có các biện pháp sửa chữa, khắc phục đối với các sai sót phát hiện qua công tác giám sát không? |  |  |  |  |  |
|  | ... |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| *(\*) Cột 6, mô tả ngắn gọn, ví dụ như: có, hiệu lực cao; có nhưng hiệu lực hạn chế; có nhưng không phát huy tác dụng…(\*\*) Cột 7, chỉ tham chiếu số văn bản/tài liệu.* | | | | | | |

# CÁC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN/CHỦ ĐẦU TƯ, GỒM: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Trị; Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị; Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Trị; Ban quản lý đầu tư xây dựng khu kinh tế tỉnh Quảng Trị; Sở Văn hóa thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Công thương

## Thông tin cần cung cấp

### Một số thông tin cơ bản về đơn vị (nêu ngắn gọn)

- Quyết định thành lập; chức năng, nhiệm vụ của đơn vị;

- Tổ chức bộ máy quản lý dự án của đơn vị;

- Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tư vấn quản lý dự án (nếu thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án).

### Thông tin về tình hình tài chính của đơn vị, dự án được kiểm toán

#### Các thông tin theo số liệu báo cáo tài chính

- Số lượng các dự án của đơn vị thực hiện quản lý trong năm 2019: ... dự án; trong đó: ... dự án khởi công mới, ... dự án chuyển tiếp, ... dự án hoàn thành;

- Tình hình quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn vốn đầu tư được quản lý trong năm 2019 *(Gửi Đoàn khảo sát kèm theo Biểu số 01/CĐT của Thông tư 85/2017/TT-BTC; Trường hợp tại thời điểm khảo sát chưa có báo cáo quyết toán thì lấy theo số liệu ước thực hiện)*, cụ thể:

+ Tổng số kế hoạch vốn đầu tư được giao trong năm: ... trđ; trong đó: Kế hoạch vốn đầu tư các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm 2019 là ... trđ; kế hoạch vốn năm 2019 là ... trđ;

+ Tổng số vốn đã thanh toán trong năm 2019: ... trđ; trong đó: Thanh toán KLHT ... trđ, tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi ... trđ;

+ Tổng số vốn đầu tư được quyết toán năm: ... trđ.

- Tình hình quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án:

+ Nguồn năm 2019: ... trđ;

+ Các khoản chi 2019: ... trđ.

#### Các thông tin về tình hình tài chính các dự án được kiểm toán

- Thông tin cơ bản về các dự án lựa chọn kiểm toán: Mục đích, quy mô đầu tư; Tổng mức đầu tư, trong đó: Chi phí xây dựng; Chi phí thiết bị; Chi phí khác; Dự phòng; Ngày khởi công ..., ngày hoàn thành...*. (theo thực tế thực hiện);*

- Tình hình triển khai thực hiện các dự án được kiểm toán: (Phụ lục 03.5/KHKT-NSĐP kèm theo).

### Tình hình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (KTNN, kiểm toán độc lập, thanh tra,...) tại đơn vị (nếu có)

Nêu rõ đơn vị tiến hành thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; đơn vị được thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; một số kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán chủ yếu và tình hình thực hiện của đơn vị liên quan đến liên độ được kiểm toán.

## Hồ sơ tài liệu cần cung cấp

- Báo cáo quyết toán vốn đầu tư niên độ 2019 (kèm file excel; trường hợp chưa được phê duyệt quyết toán thì gửi báo cáo số liệu ước tính đến 31/01/2020);

- Báo cáo quyết toán chi phí hoạt động Ban QLDA năm 2019 (kèm file excel; trường hợp chưa được phê duyệt quyết toán thì gửi báo cáo số liệu ước tính đến 31/01/2020);

- Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư năm 2019 (kèm file excel);

|  |
| --- |
| **TÌM HIỂU, ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ**  **Phụ lục số 04/HSKT-KTNN**  **(tại các Chủ đầu tư/Ban QLDA được kiểm toán chi tiết)** |
| 1. **Thông tin khảo sát**  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | | | | | | | | **STT** | **Các thành phần của Hệ thống Kiểm soát nội bộ (KSNB)** | **Có** | **Không** | **Không áp dụng** | **Mô tả/ Đánh giá ban đầu** (\*) | **Tham  chiếu** (\*\*) | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | | **1** | **MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT** |  |  |  |  |  | | **1.1** | **Quy định về đạo đức nghề nghiệp trong đơn vị** |  |  |  |  |  | | - | Có quy định về quy tắc đạo đức nghề nghiệp và các quy tắc này có được thông tin đến các bộ phận không? |  |  |  |  |  | | - | Có quy định để giám sát việc tuân thủ các nguyên tắc về tính chính trực và giá trị đạo đức không? |  |  |  |  |  | | - | Có quy định rõ và áp dụng các biện pháp xử lý đối với các sai phạm về tính chính trực và giá trị đạo đức không? |  |  |  |  |  | | **1.2** | **Năng lực và trình độ của nhân viên** |  |  |  |  |  | | - | Có cụ thể hóa các yêu cầu về trình độ, kỹ năng đối với từng vị trí nhân viên bằng văn bản không? |  |  |  |  |  | | - | Có quy định trình độ, năng lực của nhân viên được tuyển dụng không? |  |  |  |  |  | | - | Có biện pháp xử lý kịp thời đối với nhân viên không có năng lực không? |  |  |  |  |  | | **1.3** | **Hoạt động của bộ máy kiểm soát** |  |  |  |  |  | | - | Bộ máy kiểm soát có độc lập với lãnh đạo đơn vị không? |  |  |  |  |  | | - | Bộ máy kiểm soát có bao gồm những người có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm và vị thế hay không? |  |  |  |  |  | | - | Bộ phận kiểm soát có thường xuyên tham gia các hoạt động quan trọng của đơn vị hay không? |  |  |  |  |  | | - | Các vấn đề quan trọng của đơn vị có được thông tin đầy đủ, kịp thời tới bộ phận kiểm soát và việc xử lý có đáp ứng được yêu cầu không? |  |  |  |  |  | | - | Công tác kiểm tra, kiểm soát có được thường xuyên, liên tục không? |  |  |  |  |  | | **1.4** | **Phong cách điều hành của lãnh đạo đơn vị** |  |  |  |  |  | | - | Có quan tâm và coi trọng việc thiết kế, thực hiện các KSNB hiệu quả không? |  |  |  |  |  | | - | Cơ chế quản lý, điều hành các khoản thu, chi ngân sách nhà nước có đúng quy định, gắn với hiệu quả của đơn vị không? |  |  |  |  |  | | - | Có bố trí, sử dụng cán bộ công chức và người lao động đúng tính chất công việc hay không? |  |  |  |  |  | | - | Có chú trọng việc tổ chức hệ thống thông tin (báo cáo, sổ kế toán, hồ sơ, tài liệu, công cụ phần mềm,..) để xử lý thông tin không? |  |  |  |  |  | | **1.5** | **Cơ cấu tổ chức** |  |  |  |  |  | | - | Có tổ chức thành nhiều cấp quản lý phù hợp không? |  |  |  |  |  | | - | Cơ cấu tổ chức có phù hợp với hoạt động của đơn vị không? |  |  |  |  |  | | - | Sự phối hợp giữa các bộ phận trong đơn vị có chặt chẽ không? |  |  |  |  |  | | **1.6** | **Phân công quyền hạn và trách nhiệm** |  |  |  |  |  | | - | Có các chính sách về phân cấp, uỷ quyền phê duyệt các nghiệp vụ ở từng cấp độ phù hợp không? |  |  |  |  |  | | - | Có sự giám sát, kiểm tra việc chấp hành những hoạt động đã được phân quyền cho các cấp không? |  |  |  |  |  | | - | Nhân viên có hiểu rõ nhiệm vụ, quyền hạn của mình và của những cá nhân có liên quan đến công việc của mình hay không? |  |  |  |  |  | | - | Những người thực hiện công tác giám sát có đủ thời gian để thực hiện công việc giám sát của mình không? |  |  |  |  |  | | - | Sự bất kiêm nhiệm có được thực hiện phù hợp trong đơn vị không? |  |  |  |  |  | | **2** | **QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO** |  |  |  |  |  | | - | Đơn vị đã xây dựng quy trình quản trị rủi ro liên quan tới quá trình đầu tư dự án và lập BCQTDA bảo đảm chặt chẽ chưa? |  |  |  |  |  | | - | Đơn vị đã xác định, ước tính mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra và các hành động tương ứng đối với mỗi rủi ro liên quan tới quá trình đầu tư dự án và lập BCQTDAĐT? |  |  |  |  |  | | **3** | **hỆ thỐng Thông tin, BÁO CÁO** |  |  |  |  |  | | - | Các thủ tục được thực hiện trong hệ thống công nghệ thông tin hoặc thủ công để tạo lập, ghi chép, xử lý, chỉnh sửa các nghiệp vụ kinh tế, ghi nhận vào sổ kế toán, BCQTDAĐT có được quy định chặt chẽ? |  |  |  |  |  | | - | Cách thức tiếp nhận và xử lý các thông tin, sự kiện, điều kiện có tính chất quan trọng có được quy định chặt chẽ? |  |  |  |  |  | | - | Quy trình lập và trình bày BCQTDA của đơn vị, bao gồm cả các ước tính kế toán và thuyết minh quan trọng có được quy định chặt chẽ? |  |  |  |  |  | | - | Quy trình kiểm soát đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có được quy định chặt chẽ? |  |  |  |  |  | | - | Có quy định về việc cung cấp thông tin, chế độ báo cáo của đơn vị (đối tượng/cấp báo cáo, nội dung, hình thức, thời điểm... cung cấp)? |  |  |  |  |  | | - | Có quy định việc tiếp nhận thông tin phản hồi (từ các cấp quản lý, bộ phận chức năng...)? |  |  |  |  |  | | **4** | **CÁC HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT** |  |  |  |  |  | | - | Đơn vị có tuân thủ các quy chế quản lý, kiểm soát trong các khâu: lập, thẩm định phê duyệt dự án, thiết kế, dự toán; giám sát thi công; quản lý chất lượng; nghiệm thu, thanh quyết toán,…? |  |  |  |  |  | | - | Đơn vị có tuân thủ chế độ kế toán: chế độ kế toán áp dụng, tổ chức bộ máy kế toán; hình thức kế toán; mở sổ kế toán; hạch toán kế toán; lập các loại báo cáo theo quy định,...? |  |  |  |  |  | | - | Đơn vị có tuân thủ việc đối chiếu công nợ, thanh toán của đơn vị đối với các nhà thầu, với cơ quan cấp phát, cho vay,...? |  |  |  |  |  | | - | Các kiểm soát đối với hệ thống công nghệ thông tin (kiểm soát chung và kiểm soát chương trình ứng dụng) có duy trì được tính toàn vẹn của công nghệ thông tin và bảo mật dữ liệu hệ thống thông tin? |  |  |  |  |  | | **5** | **GIÁM SÁT các kiỂm soát** |  |  |  |  |  | | **5.1** | **Giám sát thường xuyên và định kỳ** |  |  |  |  |  | | - | Lãnh đạo đơn vị có các cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị thường xuyên và định kỳ không? |  |  |  |  |  | | - | Hệ thống giám sát của đơn vị có phù hợp với thực tế hoạt động của đơn vị hay không? |  |  |  |  |  | | - | Việc giám sát của kiểm toán nội bộ đã thực hiện đầy đủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chưa? |  |  |  |  |  | | **5.2** | **Báo cáo giám sát và khắc phục các sai sót** |  |  |  |  |  | | - | Lãnh đạo đơn vị có nhận được đầy đủ, kịp thời các báo cáo giám sát liên quan (của cơ quan quản lý) hay không? |  |  |  |  |  | | - | Đơn vị có các biện pháp sửa chữa, khắc phục đối với các sai sót phát hiện qua công tác giám sát không? |  |  |  |  |  | |  | ... |  |  |  |  |  |   *(\*) Cột 6, mô tả ngắn gọn, ví dụ như: có, hiệu lực cao; có nhưng hiệu lực hạn chế; có nhưng không phát huy tác dụng…*  *(\*\*) Cột 7, chỉ tham chiếu mã hóa hoặc số văn bản/tài liệu* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **Phụ lục số 03.5/KHKT-NSĐP** | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN TẠI CÁC CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QLDA ĐƯỢC KIỂM TOÁN** | | | | | | | | | | | |
| (Ghi chú: Chỉ lập cho các dự án được kiểm toán theo **Phụ lục số 03.5a/KHKT-NSĐP**; Lập chi tiết tất cả các chi phí của dự án) | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Đơn vị tính: 1000 đồng | |
| **TT** | **Chỉ tiêu (dự án)** | **Tổng mức đầu tư** | **Tổng dự toán** | **Nguồn vốn** | **Kế hoạch vốn năm 2019** | **Thời gian KC-HT** | **Giá trị hợp đồng** | **Khối lượng hoàn thành từ khởi công đến 31/01/2020** | **Quyết toán (hoặc thanh toán) đến 31/01/2020** | **Tên nhà thầu** | **Tình hình thanh tra, kiểm toán** |
|
|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **1** | **Dự án…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Gói thầu… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Gói thầu… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chi phí… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chi phí… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Dự án…** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Gói thầu… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Gói thầu… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chi phí… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chi phí… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

.

**Phụ lục số 03.5a/KHKT-NSĐP**

**DANH MỤC CÁC CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN VÀ CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHI TIẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **1** | **Ban Quản lý DAĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Trị** |
| - | Đường nối cầu An Mô vào Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn |
| - | Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (Local Road Assets Management Project - LRAMP) |
| - | Dự án đầu tư xây dựng công trình tuyến tránh Quốc lộ 1 đoạn qua thị xã Quảng Trị (hạng mục cầu Thành Cổ và đường dẫn), tỉnh Quảng Trị |
| **2** | **Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị** |
| - | Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ |
| **3** | **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Trị** |
| - | Cơ sở hạ tầng khu Dịch vụ - Du lịch bãi tắm cộng đồng Gio Hải |
| - | Phòng khám đa khoa khu vực Bồ Bản, huyện Triệu Phong |
| **4** | **Ban Quản lý ĐTXD khu kinh tế tỉnh Quảng Trị** |
| - | San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay, tỉnh Quảng Trị |
| - | Hệ thống xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Quán Ngang (Giai đoạn 1) |
| - | Khu tái định cư xã Hải Khê và đường vào khu tái định cư (giai đoạn 1) - Hợp phần 2: Đường vào khu tái định cư (giai đoạn 1) |
| - | Đường nối Khu công nghiệp Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (đường Trung tâm trục dọc Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị) |
| **5** | **Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch** |
| - | Bảo tồn, tôn tạo bờ Nam di tích Đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải |
| **6** | **Sở Giáo dục và Đào tạo** |
| - | Trường THPT Lao Bảo, huyện Hướng Hóa |
| - | Trường THPT Chế Lan Viên, huyện Cam Lộ |
| - | Nhà học lý thuyết trường THPT Đakrông, huyện Đakrông |
| **7** | **Sở Công thương** |
|  | ***Ban QLDA điện nông thôn*** |
| - | Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014 – 2020 |

**Ghi chú:**

- Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần bổ sung hồ sơ, Đoàn khảo sát sẽ thông báo sau;